

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 124/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 20-6-2019.
“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Thúc.

Các Hội Thẩm nhân dân:

Ông: Nguyễn Thanh Hoàng.

Ông: Nguyễn Văn Ghên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 20/6/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 449/2019/TLST-HNGĐ ngày 06/5/2019 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 144/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/5/2019, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1984.

2. *Bị đơn:* Ông Võ Dương Thanh P, sinh năm 1974.

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Đ, tỉnh Long An.

(Bà H có mặt, ông P xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 03/5/2019 và những lời tiếp theo bà Nguyễn Ngọc H, trình bày:

Bà và ông Võ Dương Thanh P chung sống với nhau vào năm 1999, có đăng ký kết hôn vào năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bà H cho rằng cuộc sống vợ chồng không hòa hợp do bất

đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau nên bà và ông P đã ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin ly hôn.

Về con chung: Bà H khai bà và ông P có 02 con chung là các cháu Võ Thảo D, sinh năm 2000 và Võ Thảo M, sinh năm 2009; hiện con đang sống chung với ông P. Khi ly hôn, cháu D đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết; riêng cháu M nếu cháu có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H khai không có.

Ông Võ Dương Thanh P xin xét xử vắng mặt nhưng tại bản tự khai: ông xác nhận về thời gian, điều kiện kết hôn, về con chung, tài sản chung và nợ như bà H trình bày là đúng. Nay bà H xin ly hôn ông đồng ý. Khi ly hôn, cháu Du đã trưởng thành nên ông không yêu cầu tòa án giải quyết; ông xin được quyền trực tiếp nuôi cháu My; không yêu cầu bà H cấp dưỡng.

Tòa án không tiến hành hòa giải được do bị đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai công khai tại phiên toà, trên cơ sở trình bày của đương sự, qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về thủ tục tố tụng, thẩm quyền giải quyết vụ án,*

Bà Nguyễn Ngọc H có đơn xin ly hôn với ông Võ Dương Thanh P. Anh Phong hiện đang cư trú tại ấp A, xã B, huyện Đ, Long An. Theo quy định tại các điều 28, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ông Võ Dương Thanh P có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa tiến hành đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm theo thủ tục chung là đúng với quy định các điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. *Về nội dung,*

[2.1] *Về hôn nhân:*

Bà Nguyễn Ngọc H và ông Võ Dương Thanh P chung sống với nhau vào năm 1999 và có đăng ký kết hôn vào năm 2008 là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với Điều 11, 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Theo đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo thì bà H cương quyết xin ly hôn vì cho rằng mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn

khả năng hàn gắn. Ông P có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng tại bản tự khai ông cũng đồng ý ly hôn.

Nhận thấy, tình cảm vợ chồng giữa bà H và ông P không còn nên bà H xin ly hôn là có căn cứ phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2]. Về con chung:

Bà H và ông P thống nhất khai có 02 con chung là các cháu Võ Thảo D, sinh năm 2000 và Võ Thảo M, sinh năm 2009; hiện con đang sống chung với ông P. Khi ly hôn, cháu D đã trưởng thành nên bà H và ông P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Riêng cháu M đã đủ 07 tuổi, tại bản tự khai cháu có nguyện vọng sống với ông P khi cha, mẹ ly hôn. Do vậy, Hội đồng xét xử giao cháu M cho ông P được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu, phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về cấp dưỡng: Ông P không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự thống nhất khai không có.

[3.] Về án phí: Bà Nguyễn Ngọc H phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước là đúng quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 63, 147, 222, 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 107, 110 và 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Bà Nguyễn Ngọc H được ly hôn với ông Võ Dương Thanh P.

2. Về con chung:

Ông Võ Dương Thanh P được quyền tiếp tục nuôi con chung là cháu Võ Thảo My, sinh ngày 25/10/2009.

Bà Nguyễn Ngọc H không phải cấp dưỡng nuôi con vì ông Võ Dương Thanh P không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức hoặc cha, mẹ có thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phải xem xét nguyện vọng của con từ đủ 07 tuổi trở lên.

3. Về án phí:

Bà Nguyễn Ngọc H phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước nhưng được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004579 ngày 03/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, sang án phí để thi hành.

4. Án xử sơ thẩm và tuyên án công khai, nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết theo quy định pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- UBND xã Hiệp Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Văn Công Thức

